

Bản án số: 318/2018/DS-ST
Ngày: 23 - 7 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Thành Viên;

2/ Bà Châu Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiên là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 702/2017/TLST-DS ngày 05/12/2017 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; Trụ sở: đường L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị Thanh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: đường C, Phường MH, quận T, Thành phố H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 384/2017/ UQ-GĐK-TDTD ngày 17/11/2017).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1978; Địa chỉ: đường Q, Phường T, quận G, Thành phố H.

Bà Lương Thị Thanh T vắng mặt có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Hữu D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Ngân hàng TMCP V và quá trình giải quyết vụ án, bà Lương Thị Thanh T là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 14/6/2014 ông Nguyễn Hữu D có ký với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số hồ sơ 182879, phê duyệt số 20140618-500001-0074 ngày 19/6/2014

vay số tiền 70.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, với lãi suất thỏa thuận là 2,92%/tháng (35%/năm). Thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 19/6/2014. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông Dũng có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là 113.983.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong thời hạn 36 tháng. Trong 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 3.167.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.138.000 đồng, thanh toán vào ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 19/7/2014.

Thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hữu D đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho ngân hàng được tổng cộng là 85.533.000 đồng. Từ ngày 03/3/2017, ông Dũng không thanh toán thêm khoản nào. Tổng số tiền ông Dũng còn nợ là 28.450.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 24.731.809 đồng, lãi là 3.718.191 đồng).

Do ông Nguyễn Hữu D vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, đã không trả tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo bảng tính lãi mà các bên đã thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP V yêu cầu thanh lý hợp đồng buộc cá nhân ông Nguyễn Hữu D thanh toán số nợ còn lại theo đơn khởi kiện là: 28.450.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 24.731.809 đồng, lãi là 3.718.191 đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn xác định không yêu cầu ông Nguyễn Hữu D thanh toán phần lãi và phí phát sinh từ ngày kết thúc hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Dũng chưa trả hết số nợ thì hàng tháng ông Dũng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hữu D đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Dũng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là bà Lương Thị Thanh T vắng mặt có đơn xin vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là ông Nguyễn Hữu D được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Đương sự thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Hữu D có giao kết hợp đồng tín dụng (theo “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 182879 đề ngày 14/6/2014, phê duyệt số 20140618-500001-0074 ngày 19/6/2014). Do phía ông Nguyễn Hữu D vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Xét “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 182879 đề ngày 14/6/2014, phê duyệt số 20140618-500001-0074 ngày 19/6/2014 giữa Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Hữu D. Nội dung các bên thỏa thuận thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 19/6/2014, thanh toán vào ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 19/7/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hữu D đã thanh toán cho ngân hàng được tổng cộng là 85.533.000 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 03/3/2017. Do ông Dũng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên vào ngày 17/11/2017 Ngân hàng TMCP V đã khởi kiện. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: d) Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này*”. Như vậy, tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ủy quyền cho ông Lê Hiền T làm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 29/2017/UQ-CT ngày 22 tháng 6 năm 2017) và ông Lê Hiền T có văn bản ủy quyền lại cho bà Lương Thị Thanh T làm người đại diện của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án (Văn bản ủy quyền số 384/2017UQ-GĐK-TDTD ngày 17 tháng 11 năm 2017), nên Tòa án triệu tập bà Lương Thị Thanh T để tham gia tố tụng là đúng quy định.

[4] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Ngày 16/3/2018 bà Lương Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[6] Về sự tham gia phiên tòa của Viện Kiểm sát: Do vụ án Tòa án có tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ nên căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao thì thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa.

[7] Về nội dung vụ án: Ngày 14/6/2014 ông Nguyễn Hữu D ký với Ngân hàng TMCP V “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 182879, phê duyệt số 20140618-500001-0074 ngày 19/6/2014 vay số tiền 70.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, với lãi suất thỏa thuận là 2,92%/tháng (35%/năm), ông Dũng có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là 113.983.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong thời hạn 36 tháng. Trong 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 3.167.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.138.000 đồng, thanh toán vào ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 19/7/2014.

[8] Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Ngân hàng TMCP V là tổ chức tín dụng và ông Nguyễn Hữu D đã giao kết hợp đồng tín dụng (“Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 182879 đề ngày 14/6/2014, phê duyệt số 20140618-500001-0074 ngày 19/6/2014). Về nội dung của hợp đồng được các bên xác định là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, đúng ngành nghề đăng ký kinh doanh của Ngân hàng TMCP V và phù hợp với quy định tại Điều 389 của Bộ luật Dân sự 2005. Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự 2005. Vì vậy, “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 182879 đề ngày 14/6/2014, phê duyệt số 20140618-500001-0074 ngày 19/6/2014 được xác định là hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[9] Xét quá trình thực hiện hợp đồng của các bên: Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã giải ngân cho bị đơn số tiền là 70.000.000 đồng mà hai bên đã thỏa thuận. Phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo bảng tính lãi mà các bên đã giao kết. Phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh việc vi phạm hợp đồng, số tiền đã trả cũng như số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP V. Vì vậy đã có đủ cơ sở xác định tính đến ngày 23/7/2018, phía bị đơn còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền là 28.450.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 24.731.809 đồng, lãi là 3.718.191 đồng).

[10] Theo thỏa thuận tại điểm b Điều 2 Mục E của bảng Điều khoản và điều kiện kèm theo “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 182879, phê duyệt số 20140618-500001-0074 ngày 19/6/2014 thì hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến khi các bên thực hiện xong toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Như vậy theo thỏa thuận thì “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” nêu trên đang còn hiệu lực. Căn cứ khoản 3.2 Điều 3 của của bảng Điều khoản và điều kiện nêu trên thì Ngân hàng có quyền chấm dứt hợp đồng và yêu cầu khách hàng thanh toán toàn bộ các khoản nợ ngay lập tức trong trường hợp khách hàng vi phạm bất kỳ quy định nào của hợp đồng. Vì vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu thanh lý chấm dứt hợp đồng của nguyên đơn.

[11] Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên tại “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 182879 đề ngày 14/6/2014, phê duyệt số 20140618-500001-0074 ngày 19/6/2014. Vì vậy, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu thanh lý hợp đồng buộc ông Nguyễn Hữu D phải trả nợ 28.450.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 24.731.809 đồng, lãi là

3.718.191 đồng) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[12] Xét số tiền nợ này phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[13] Về số tiền lãi: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi theo sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng. Như vậy, bảng tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bảng tính lãi với lịch sử thanh toán xác định: Tính đến ngày 03/3/2017 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền lãi là 3.718.191 đồng. Xét cần chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn vì phần lãi này do các bên tự thỏa thuận theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[14] Về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 28.450.000 đồng mà không yêu cầu phần lãi và phí phát sinh từ ngày kết thúc hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn nên Tòa án ghi nhận.

[15] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền chậm thi hành án kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật, các bên không có thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên cần áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[17] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu D phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn theo “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 182879 đề ngày 14/6/2014, phê duyệt số 20140618-500001-0074 ngày 19/6/2014 mà hai bên đã ký kết.

[18] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[19] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 388, 389, 401 và Điều 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, 429; Điều 468 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V:

1.1. Chấm dứt “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 182879 đề ngày 14/6/2014, phê duyệt số 20140618-500001-0074 ngày 19/6/2014 giữa Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Hữu D;

1.2. Buộc ông Nguyễn Hữu D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 28.450.000 đồng (Hai mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng) phát sinh từ “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 182879 đề ngày 14/6/2014, phê duyệt số 20140618-500001-0074 ngày 19/6/2014, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V không yêu cầu ông Nguyễn Hữu D phải trả phần lãi và phí phát sinh từ ngày kết thúc hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm;

1.4. Kể từ ngày Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Hữu D chưa trả hết số nợ nêu trên thì hàng tháng ông Nguyễn Hữu D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm là 1.422.500 đồng (Một triệu, bốn trăm hai mươi hai ngàn, năm trăm đồng) do ông Nguyễn Hữu D chịu;

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 711.250 đồng (Bảy trăm mười một ngàn, hai trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu số 0028099 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp

